



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư CMC

Ngày 30/06/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	29.0%	40.2%	56.0%

DT thuần Q2/25
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.10 5.1%
YoY: ▲ 6.60 41.2%

LN thuần Q2/25
1.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.12 339%
YoY: ▼0.77 -34.7%

LN sau thuế Q2/25
1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.23 819%
YoY: ▼0.62 -31.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
10.4%
YoY: +/-▲ 4.7%

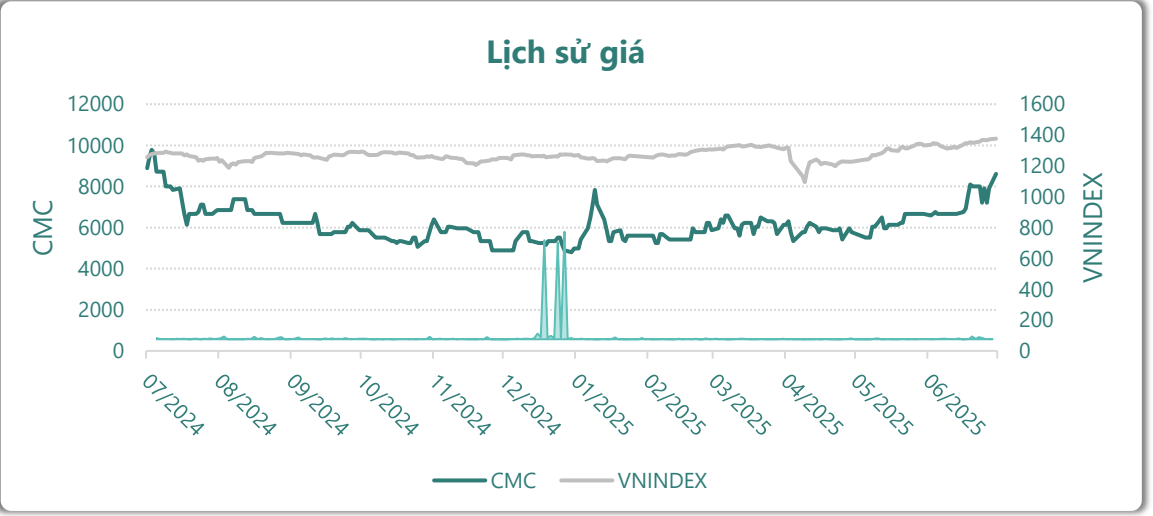
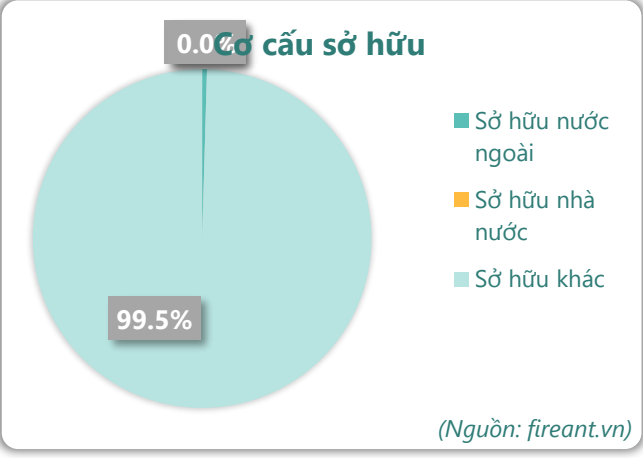
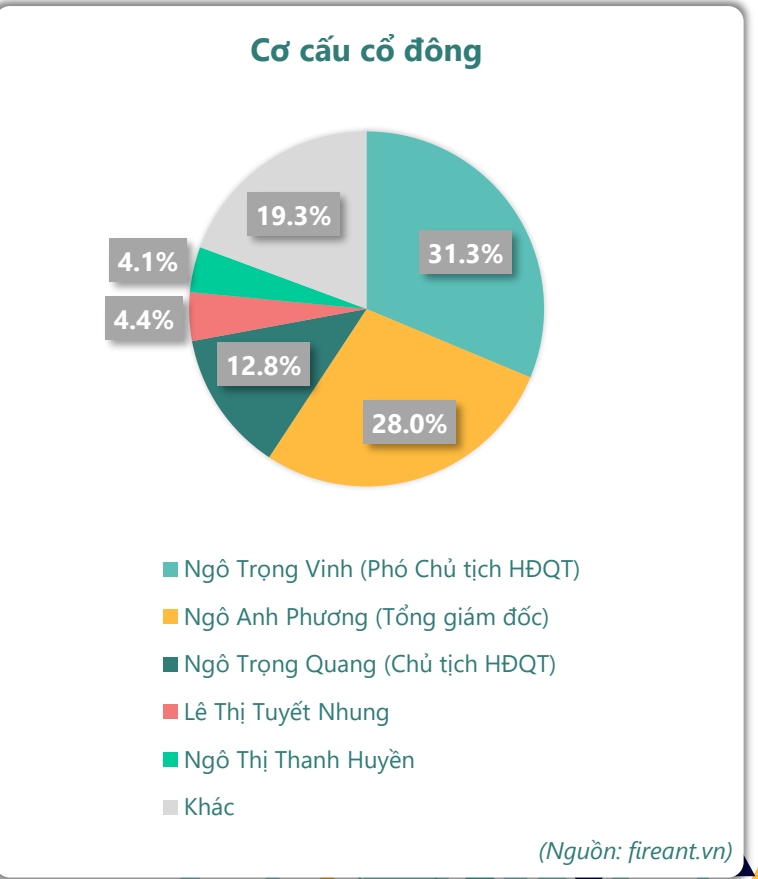
ROE (TTM) Q2/25
-1.9%
YoY: +/-▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,800 - 9,778
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44
Số lượng CPLH (CP)	5,108,347
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,695
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.21
EPS	-230
P/E	-37.4

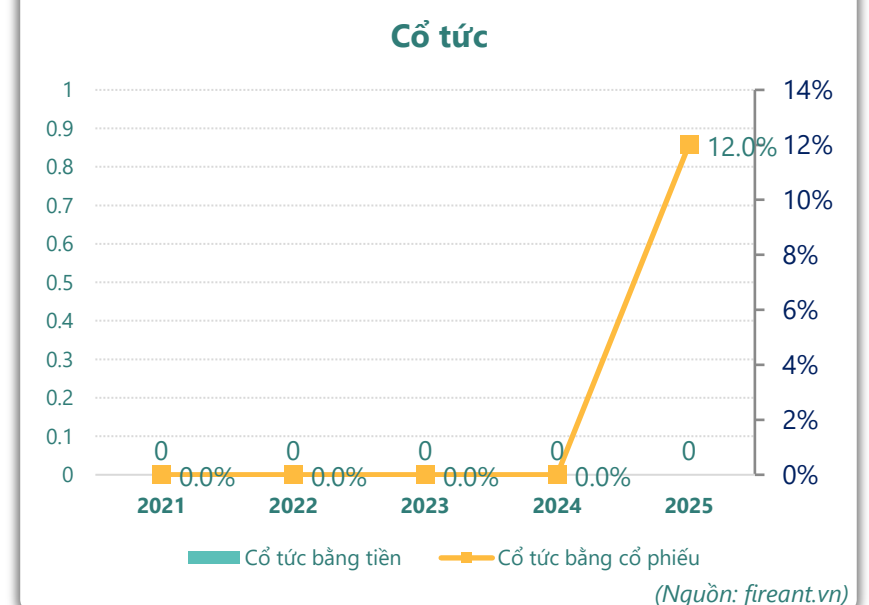
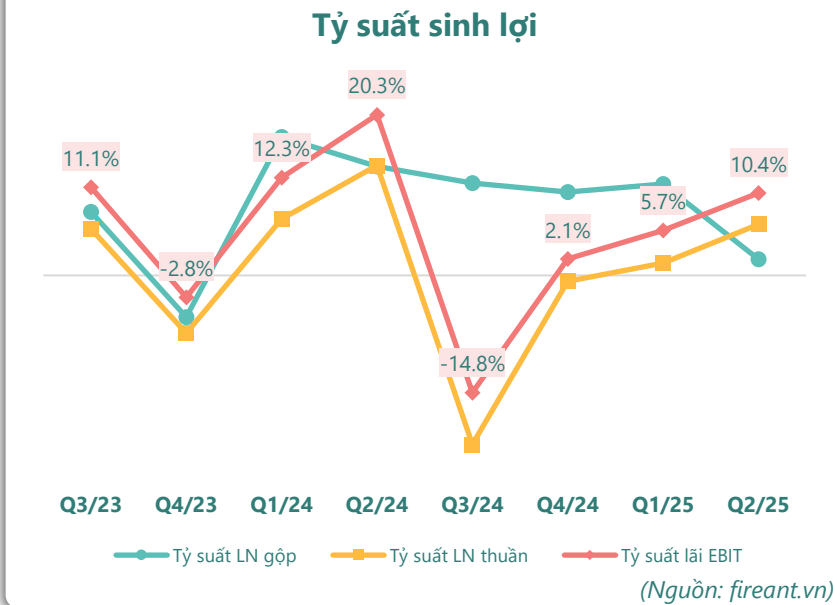
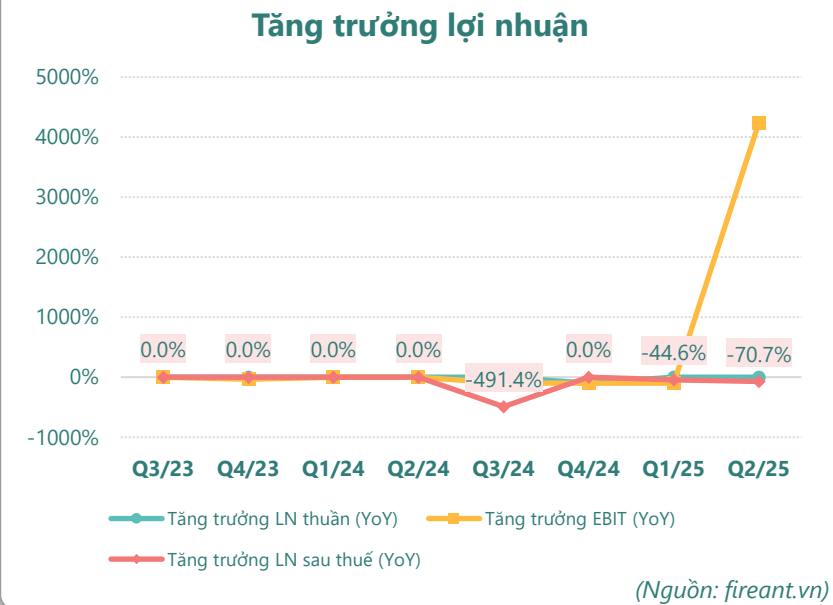
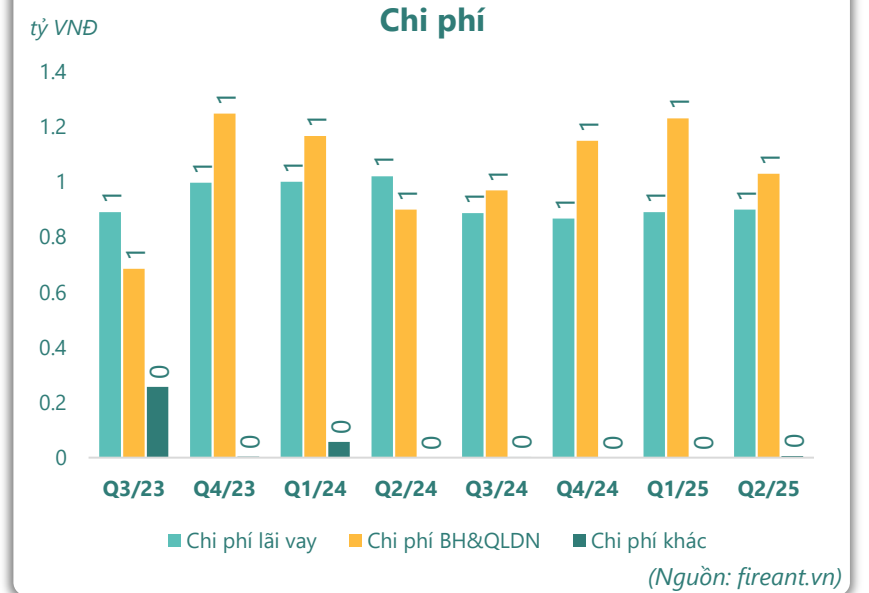
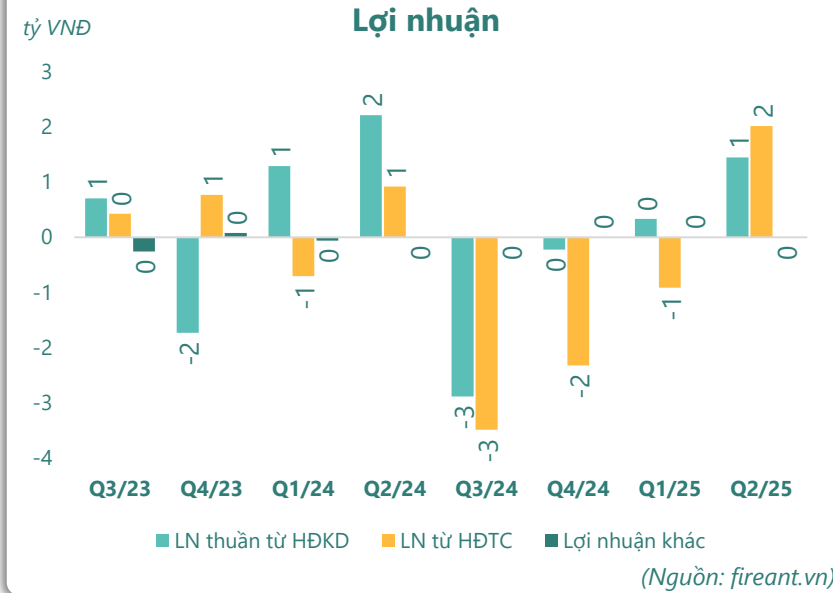
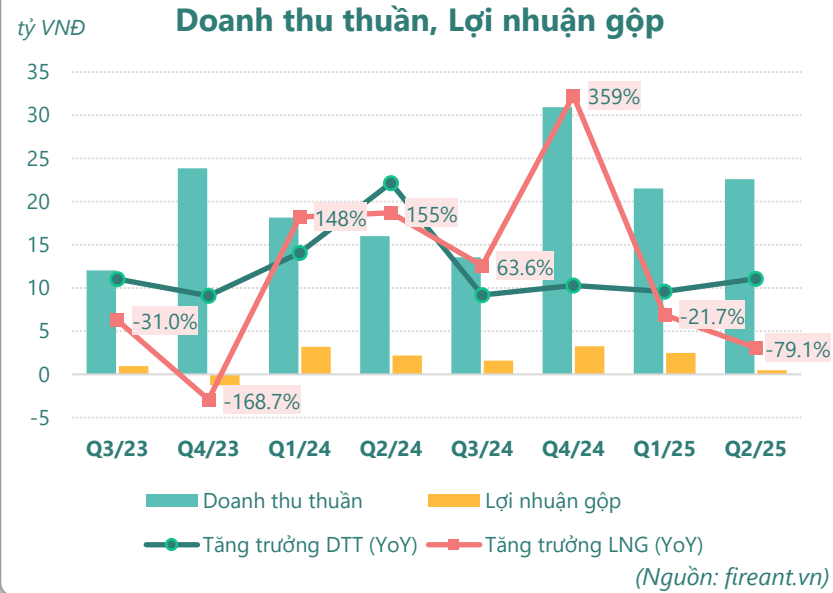
DT thuần 6T 2025
44.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90 29.2%

LN thuần 6T 2025
1.78
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.73 -49.2%

LN sau thuế 6T 2025
1.53
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.36 -47.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH

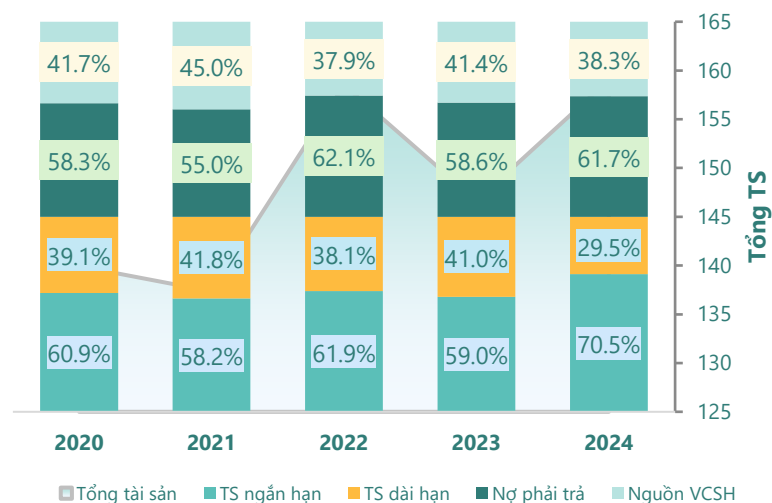




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

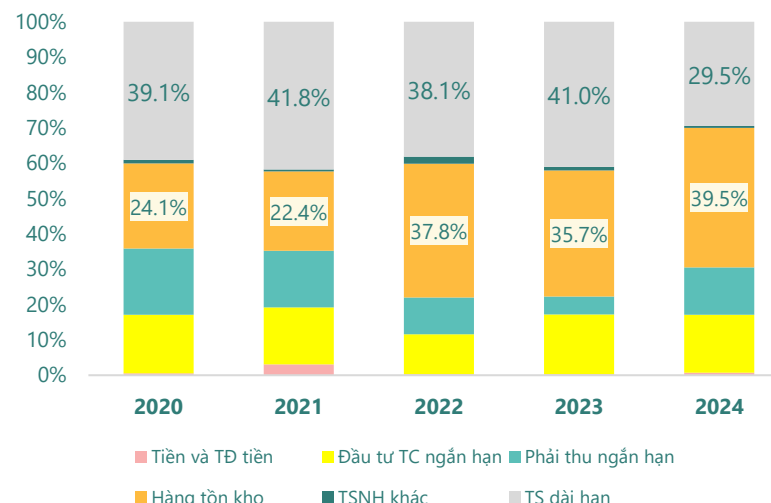
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

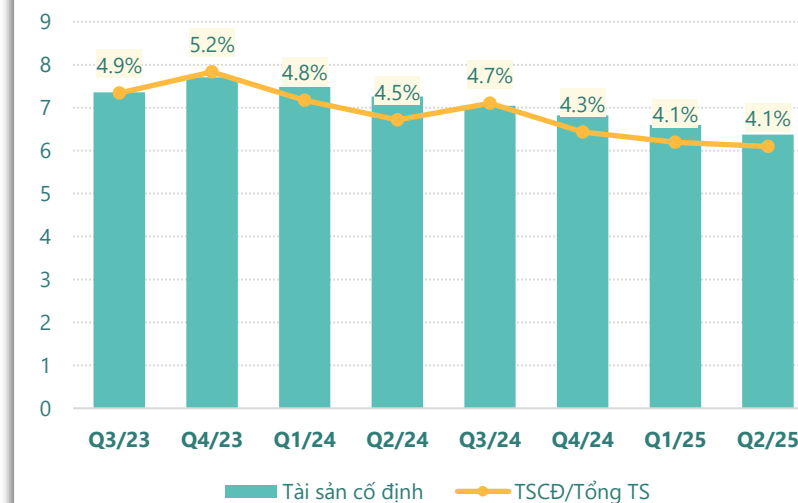
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

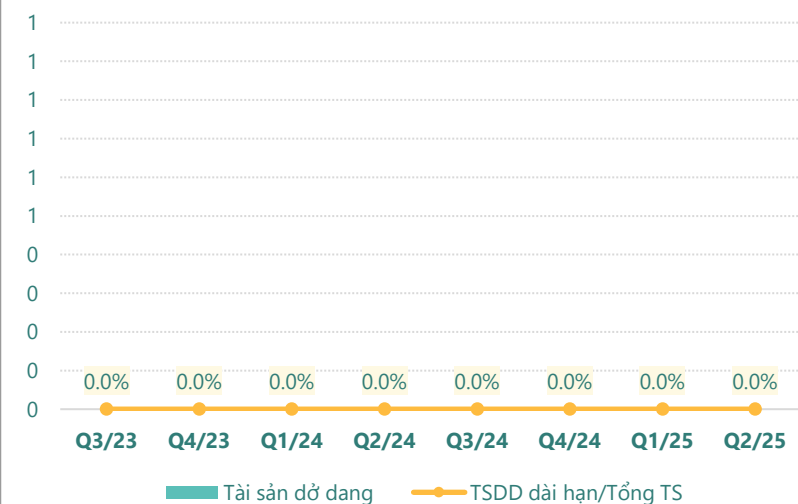
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

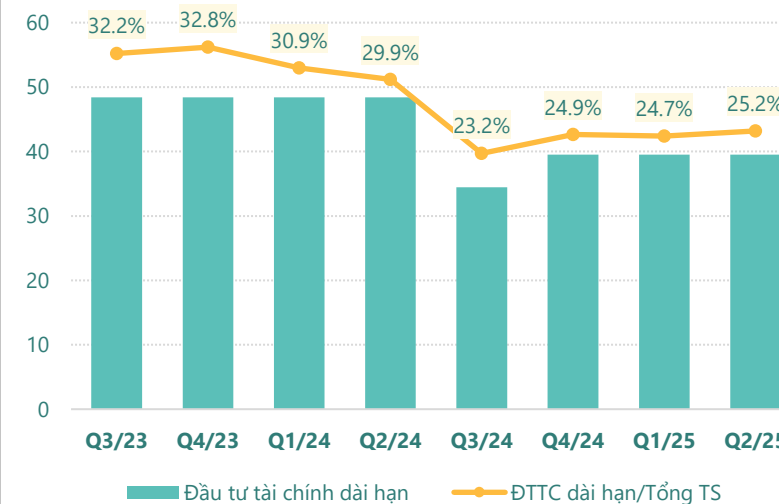
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

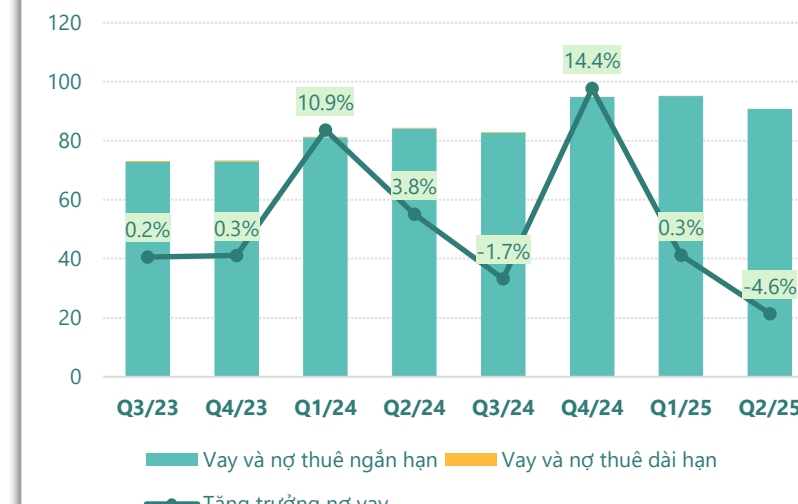
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

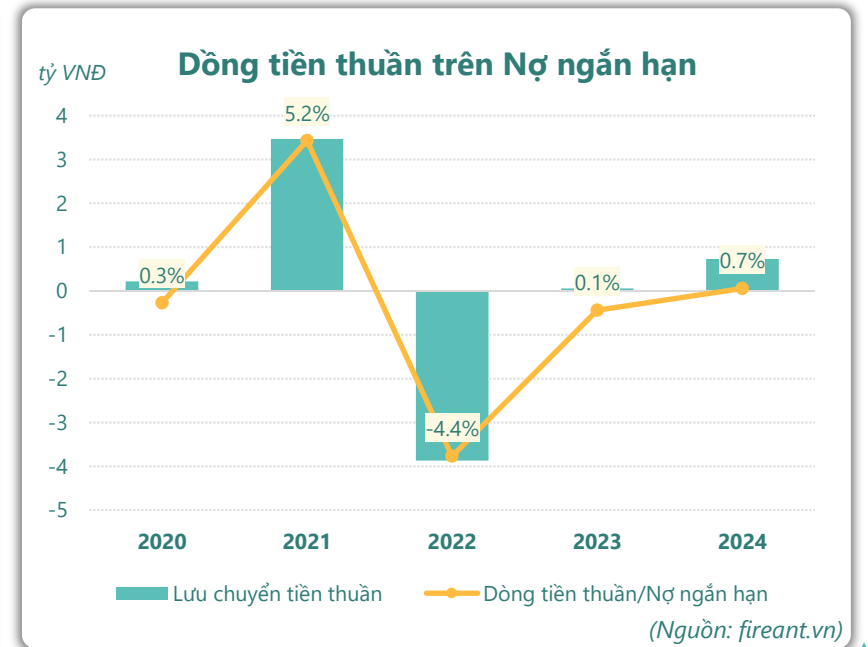
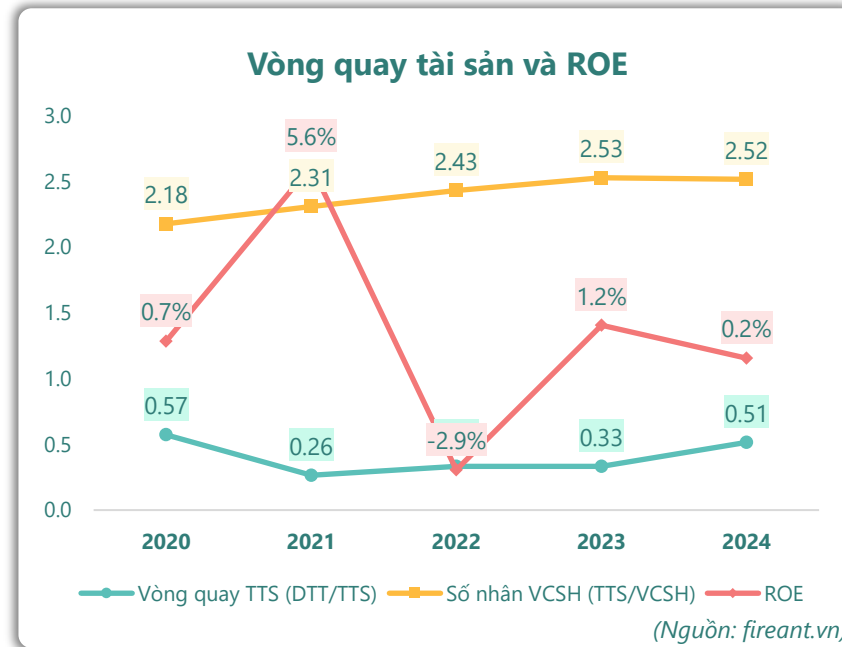
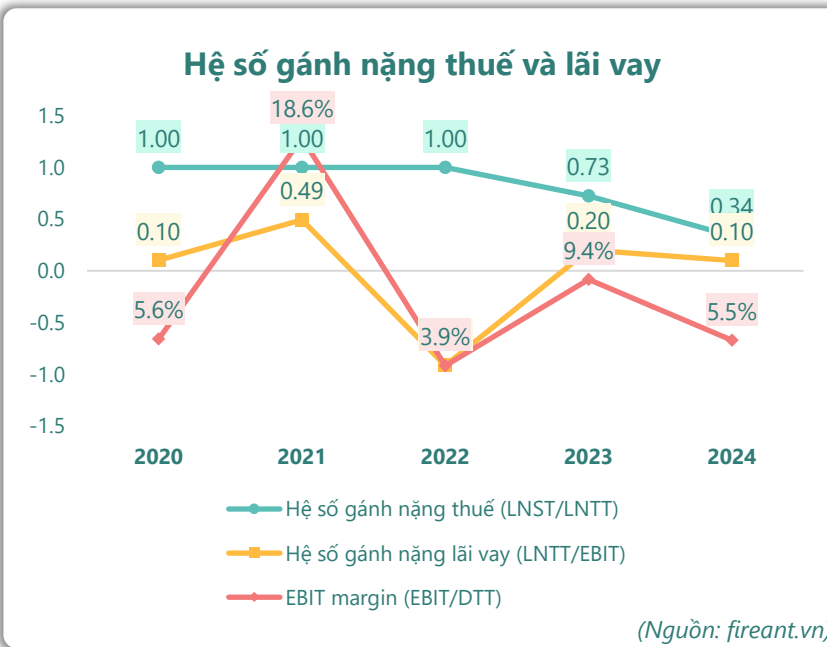
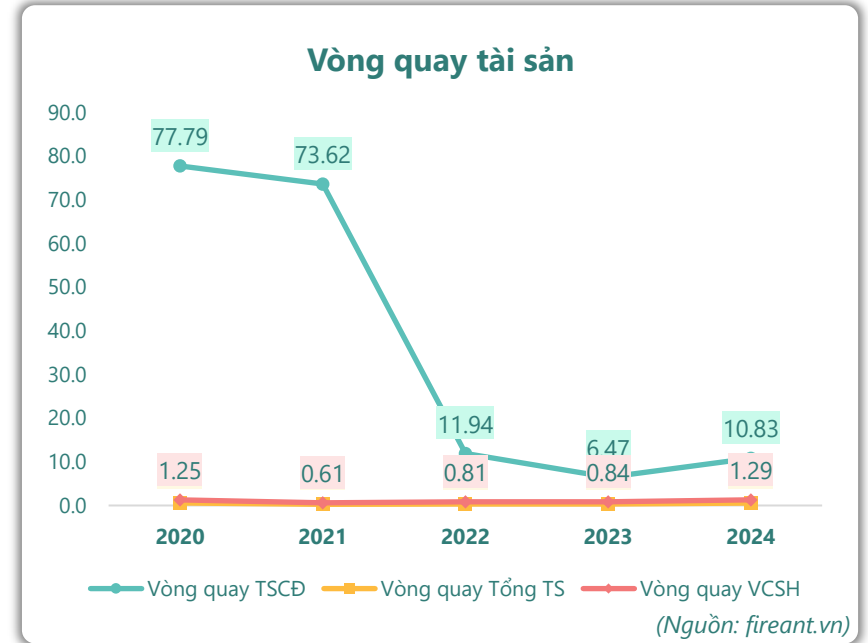
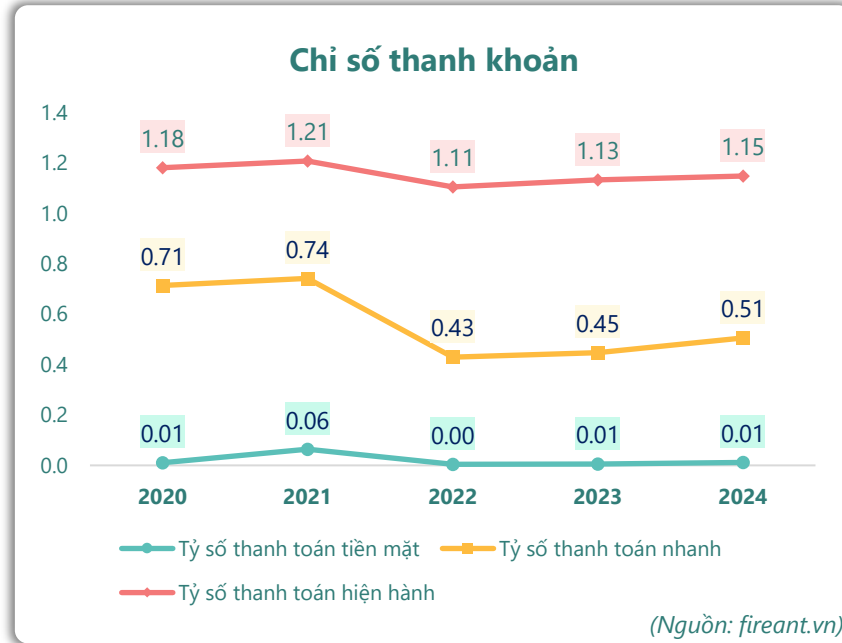
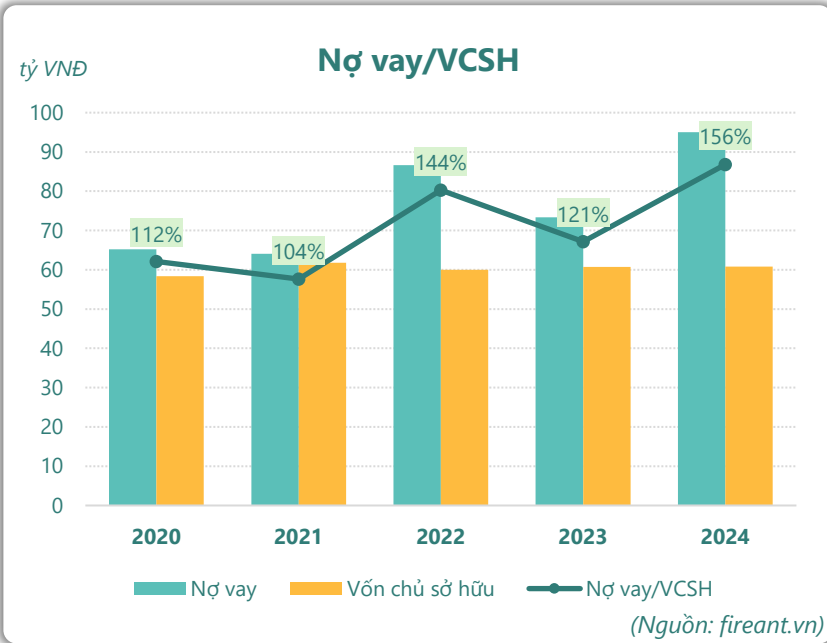
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	22.6	16.0	41.2%	44.1	34.2	29.2%
Giá vốn hàng bán	22.1	13.8	60.3%	41.2	28.8	43.0%
Lợi nhuận gộp	0.46	2.20	-79.1%	2.94	5.36	-45.2%
Doanh thu HĐTC	1.43	1.53	-6.3%	1.46	1.85	-21.1%
Chi phí TC	-0.59	0.60	-198%	0.35	1.63	-78.7%
Chi phí lãi vay	0.90	1.02	-11.7%	1.79	2.02	-11.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.04	0.09	-51.2%	0.18	0.22	-16.0%
Chi phí QLDN	0.99	0.82	20.3%	2.08	1.85	12.4%
LN thuần từ HĐKD	1.45	2.22	-34.7%	1.78	3.51	-49.2%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00		-0.01	-0.06	89.5%
LN trước thuế	1.44	2.22	-35.0%	1.78	3.45	-48.5%
Lợi nhuận sau thuế	1.38	2.00	-31.1%	1.53	2.89	-47.3%
LNST của CĐ cty mẹ	1.38	2.00	-31.1%	1.53	2.89	-47.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.83	-9.94	0.93	1.98	4.07	-2.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	1.26	0.03	-8.51	0	1.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.50	8.57	-1.36	7.09	-2.14	-2.07
Tiền đầu kỳ	0.44	1.12	1.02	0.61	1.17	3.10
Lưu chuyển tiền thuần	0.68	-0.10	-0.40	0.55	1.93	-2.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.12	1.02	0.61	1.17	3.10	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	157	159	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	110	112	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	0.40	1.17	-65.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.4	26.0	24.3%
Phải thu ngắn hạn	13.7	21.4	-36.0%
Hàng tồn kho	62.7	62.8	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.15	0.84	36.3%
Tài sản dài hạn	46.5	46.9	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.37	6.82	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	39.5	39.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.61	0.51	20.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.4	98.2	-3.8%
Nợ ngắn hạn	94.0	97.7	-3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.8	94.9	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0.38	0.52	-25.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.13	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.4	60.8	2.5%
Vốn chủ sở hữu	62.4	60.8	2.5%
Vốn điều lệ	45.6	45.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

